

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 22-10-2018.

V/v tranh chấp: “ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm.

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Tr, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Châu Nhựt Tr, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tr, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI D V U ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Tr tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn ngày 30/8/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung với gia đình chị, chị làm nghề mua bán cá còn anh Tr làm nghề soi cá. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì Ph sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Tr ham mê rượu chè, sau khi uống rượu thì thường bạo hành, đánh đập chị. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung Châu Thị Nhựt T, sinh

năm 1999 và Châu Nhựt Ph, sinh ngày 18/4/2011, đang theo sống với chị, sau khi ly hôn cháu T đã thành niên chị không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Ph, chị yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Châu Nhựt Tr thể hiện lời trình bày trong hồ sơ: Nhận thấy thống nhất với lời khai của chị D về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do anh đi làm về có uống rượu nhưng ở nhà chị D không lo cơm nước mà đi đánh bài nên anh có đánh chị D. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị D. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn:

Con chung: Anh yêu cầu được nuôi cháu Ph, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần hai, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị D đối với anh Châu Nhựt Tr.

Về con chung: Giao cháu Châu Nhựt Ph, sinh ngày 18/4/2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tr đến lần thứ hai nhưng anh Tr vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh Tr tự nguyện kết hôn với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì Ph sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh Tr thường xuyên uống rượu, chị D không chăm lo cho gia đình. Do đó vợ chồng mất dần tình cảm, để từ mâu thuẫn nhỏ dẫn đến mâu thuẫn lớn. Ngoài ra, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tr nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng anh Tr đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh Tr không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh Tr, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Châu Thị Nhựt T, sinh ngày 05/01/1999 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết; Cháu Châu Nhựt Ph, sinh ngày 18/4/2011, đang theo sống với chị D, sau khi xem xét nguyện vọng của cháu và điều kiện nuôi con xét thấy cần thiết giao cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] **Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên** Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; Anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị D đối với anh Châu Nhựt Tr. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Châu Nhựt Tr.

2. Về con chung:

+ Cháu Châu Thị Nhựt T, sinh ngày 05/01/1999 đã thành niên, có gia đình riêng, có khả năng lao động và có việc làm để tự nuôi bản thân nên không đặt ra giải quyết.

+ Giao cháu Châu Nhựt Ph, sinh ngày 18/4/2011 cho chị D có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Tr nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

+ Chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009895 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND TT. Trảng Bàng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Tài